

Bản án số: 830/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 12 - 2021

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Thế Viễn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Soan

ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký tòa án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai, vụ án dân sự thụ lý số: 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 69/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021, Thông báo mở lại phiên tòa số: 38/TB-TA ngày 12 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 151/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021.

Nguyên đơn: ông Ngô Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, hộ khẩu thường trú: Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: bà Trần Thị Thanh N, sinh năm 1969; địa chỉ: Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, hộ khẩu thường trú: Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04 tháng 01 năm 2021, bản tự khai, qua các lần làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là ông Ngô Văn T trình bày: ông Ngô Văn T với bà Trần Thị Thanh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh, Giấy chứng nhận kết hôn số: , quyền số: ngày 04 tháng 8 năm 2004. Do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, mục đích

hôn nhân không đạt được. Nay nhận thấy không thể khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà N để ổn định cuộc sống. Ông T và bà N có 02 con chung tên là Ngô Trần Thanh V, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2004 và Ngô Trần Ngọc H, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2008. Nếu được ly hôn ông T xin giao 02 con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông T tự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con với bà N. Về tài sản chung, nợ chung: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập cho ông T, nhưng ông T có đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho đương sự, triệu tập bà N tới Tòa án để tham gia tố tụng, bà N có tới Tòa án để ghi bản tự khai có nội dung là vẫn còn tình cảm với ông T và mong được đoàn tụ, nhưng nếu phải giải quyết ly hôn thì bà N xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Ngô Trần Thanh V, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2004 và Ngô Trần Ngọc H, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2008 và tự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con với ông T. Về tài sản chung, nợ chung: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Tòa án thông báo cho bà N tới Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà N đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do ông T vẫn xin được giải quyết ly hôn. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà N tham gia phiên tòa, tại phiên tòa này bà N vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn xin được giải quyết ly hôn theo nội dung đã trình bày là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả làm việc tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận

định:

[2] Về tố tụng:

[3] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số:, quyển số: ngày 04 tháng 8 năm 2004 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Ngô Văn T và bà Trần Thị Thanh N đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà N là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Yêu cầu xin ly hôn của ông T đối với bà N là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[6] Về nội dung:

[7] Đối với yêu cầu ly hôn của ông T thì Hội đồng xét xử nhận thấy:

[8] Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, theo nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không còn tình cảm, có mâu thuẫn trầm trọng. Như vậy, là vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc bà N không tới Tòa án để tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa cũng đã thể hiện bà N không mong muốn đoàn tụ với ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng nên chấp nhận giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

[9] Ông T khai có 02 con chung tên là Ngô Trần Thanh V, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2004 và Ngô Trần Ngọc H, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2008, ông T xin giao các con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, các con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ, nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần đảm bảo cho sinh hoạt, học hành của con chung được ổn định, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung kể từ ngày ly hôn. Bà N và ông T đều có ý kiến xin tự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét những vấn đề này.

[11] Từ những nhận định như trên Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết

cho ông T được ly hôn với bà N, cụ thể như sau:

[12] Về quan hệ hôn nhân: ông T được ly hôn với bà N, quan hệ hôn nhân chấm dứt từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[13] Về con chung: bà N khai có 02 con chung tên là Ngô Trần Thanh V, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2004 và Ngô Trần Ngọc H, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2008. Bà N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn và tự thỏa thuận mức cấp dưỡng với ông T.

[14] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[15] Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Ông Ngô Văn T được ly hôn với bà Trần Thị Thanh N.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số:, quyển số: ngày 04 tháng 8 năm 2004 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Ngô Văn T và bà Trần Thị Thanh N chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Ngô Trần Thanh V, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2004 và Ngô Trần Ngọc H, sinh ngày 27 tháng 3 năm 2008 từ ngày ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành. Bà N tự thỏa thuận mức cấp dưỡng nuôi con chung với ông T.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai

được cản trở quyền này của ông T. Nếu ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông T.

Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) ông T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (ba trăm ngàn đồng) ông T đã tạm nộp án phí theo biên lai số: AA/2019/0027759 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND q. GV
- THA DS q. GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Hoàng Thế Viễn